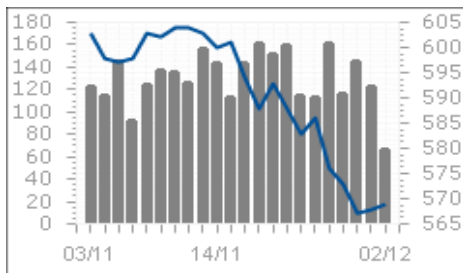


## HOSE

02/12/2014

VNINDEX	569.42	1.41	0.25%
KLGD	101,634,189	CP	
GTGD	1,820.97	Tỷ	
GTR NDTNN	-	96.48	Tỷ
CP Tăng giá	122	CP	
CP Giảm giá	93	CP	
CP Đứng giá	89	CP	



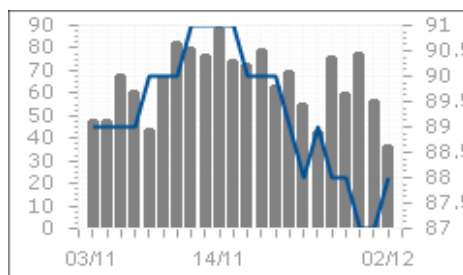
## Tâm điểm

- ▶ **Thị trường có dấu hiệu tạo đáy, dòng tiền tiếp tục phân hóa**
- ▶ **Khối lượng giao dịch sụt giảm, khả năng thị trường đang tạo đáy**  
 NĐT Nước ngoài tiếp tục bán ròng trên HOSE mua ròng nhẹ HNX
- ▶ **Tăng trưởng tín dụng cả năm dự báo đạt 13%**  
 Theo dự báo của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Nguyễn Văn Bình DVO
- ▶ **HSBC cho rằng Việt Nam đang có tiềm lực để cạnh tranh ngoại hối**  
 Nhận định của Ngân hàng HSBC trong bản báo cáo cập nhật tình hình Việt Nam HSBC
- ▶ **Cục Dự trữ Liên bang Mỹ tự tin kinh tế sẽ vượt qua suy thoái**  
 Feb sẽ thực hiện nâng lãi suất 2% vào giữa năm 2015 TTXVN
- ▶ **SHI: Dự kiến lợi nhuận 2014 hơn 40 tỷ**  
 DVO
- ▶ **PHR: Giảm 22% kế hoạch lợi nhuận 2014, cổ tức từ 30% xuống còn 20%**  
 PHR điều chỉnh chỉ tiêu kinh doanh năm 2014 Vietstock

## HNX

02/12/2014

HNXINDEX	87.85	0.41	0.47%
KLGD	52,781,042	CP	
GTGD	735.71	Tỷ	
GTR NDTNN	12.77	Tỷ	
CP Tăng giá	112	CP	
CP Giảm giá	87	CP	
CP Đứng giá	180	CP	



## VN30 & HNX30 INDEX

VN30	613.57	-0.87	-0.14%
HNX30	175.46	0.99	0.57%

## Thị trường / Ngành

	Vốn hóa (tỷ)	P/E	P/B	ROE	ROA
<b>Theo thị trường</b>					
HOSE	1,023,538	13.9	2.8	18.3%	9.6%
HNX	145,194	14.0	1.8	8.8%	4.3%
<b>Toàn bộ thị trường</b>	<b>1,168,732</b>	<b>14.3</b>	<b>2.8</b>	<b>18.2%</b>	<b>9.2%</b>
<b>Theo ngành</b>					
Nhựa, cao su & sợi	7,130	6.9	0.9	12.6%	8.3%
Sản phẩm hóa dầu, Nông dược & Thép và sản phẩm thép	22,117	9.5	1.6	17.0%	10.5%
Khai khoáng	38,110	13.0	2.0	22.2%	10.7%
Vật liệu xây dựng & Nội thất	12,567	90.2	6.2	-4.0%	-3.4%
Xây dựng	25,378	13.9	1.5	13.9%	7.7%
Máy công nghiệp	33,280	32.5	1.2	-0.5%	2.2%
Kho bãi, hậu cần và bảo dưỡng	8,482	8.7	1.3	15.2%	10.3%
Lốp xe	10,959	8.7	1.5	18.4%	13.5%
Nuôi trồng nông & hải sản	8,412	10.8	2.8	25.5%	11.1%
Thực phẩm	23,411	10.9	2.0	21.7%	7.4%
Dược phẩm	188,213	24.0	4.6	18.7%	14.5%
Phần mềm	15,708	12.5	2.8	22.3%	14.8%
Sản xuất & phân phối điện	16,752	10.0	2.1	21.7%	8.9%
Phân phối xăng dầu & khí đốt	28,698	9.9	1.5	15.6%	7.3%
Bảo hiểm nhân thọ	167,598	13.7	4.4	32.4%	21.9%
Môi giới chứng khoán	25,790	20.5	2.2	10.4%	2.2%
Ngân hàng	28,460	12.1	1.6	11.2%	7.6%
Bất động sản	237,577	11.2	1.2	10.3%	0.9%
Thiết bị và Dịch vụ Dầu khí	168,616	16.5	2.7	18.2%	4.7%
	40,081	9.1	1.9	21.9%	9.2%

## Thống kê thị trường

- ▶ HOSE: Thống kê và nhận định thị trường
- ▶ HNX: Thống kê và nhận định thị trường
- ▶ Tổng hợp chỉ số ngành toàn thị trường

Trịnh Thị Thu Phương

[thuphuong@vietinbanksc.com.vn](mailto:thuphuong@vietinbanksc.com.vn)

**Tăng trưởng tín dụng cả năm dự báo đạt 13%**

**HSBC cho rằng Việt Nam đang có tiềm lực để cạnh tranh ngoại hối**

**Cục Dự trữ Liên bang Mỹ tự tin kinh tế sẽ vượt qua suy thoái**

Trịnh Thị Thu Phương

[thuphuong@vietinbanksc.com.vn](mailto:thuphuong@vietinbanksc.com.vn)

**SHI: Dự kiến lợi nhuận 2014 hơn 40 tỷ**

**PHR: Giảm 22% kế hoạch lợi nhuận 2014, cổ tức từ 30% xuống còn 20%**

**6 nhà đầu tư nước ngoài quan tâm đến MobiFone**

## ► Tin kinh tế

Tại buổi họp báo ngày 1/12/2014, theo Thống đốc Ngân hàng Nhà nước (NHNN) Nguyễn Văn Bình, năm nay tăng trưởng tín dụng theo dự báo có khả năng đạt 13%, nằm trong mục tiêu đề ra là từ 12-14%. Theo số liệu được vụ tín dụng Ngân hàng Nhà nước đưa ra trước đó, tính đến 31/10/2014, tín dụng toàn hệ thống đối với nền kinh tế tăng 8,63% so với cuối năm 2013. Như vậy, trong 2 tháng cuối năm, dự kiến tăng trưởng tín dụng đạt hơn 4%. Với mức giảm lãi suất rất mạnh trong mấy năm vừa qua, lãi suất hiện nay so với thời điểm 2005-2006 thấp ngang bằng thậm chí còn thấp hơn.

Nhận định của Ngân hàng HSBC trong bản báo cáo cập nhật về tình hình kinh tế vĩ mô của Việt Nam được phát đi ngày 2/12/2014: "Tiền đồng sẽ ổn định nhờ dòng vốn FDI ổn định vào Việt Nam và tài khoản thương mại thặng dư 2 triệu đô la Mỹ tính từ đầu năm đến nay". Đặc biệt, xét về khía cạnh ngoại hối, theo HSBC Việt Nam đang có tiềm lực cạnh tranh. Tỷ giá thương mại (TOT), một ước lượng về số lượng của các loại hàng hoá mà một nền kinh tế có thể mua trên mỗi đơn vị hàng hoá xuất khẩu, đã cải thiện trong những năm gần đây. HSBC cho rằng do đặc tính tăng theo mùa vụ của nhu cầu, Ngân hàng Nhà nước (NHNN) có sự lựa chọn hoặc cho phép thị trường điều chỉnh tỉ giá hoặc bơm thanh khoản để giữ tỉ giá trong biên độ.

Cục Dự trữ Liên bang Mỹ (Fed) hoàn toàn có thể tự tin về nền Kinh tế Mỹ đang phục hồi với tốc độ nhanh nhất trong hơn một thập kỷ qua và khả năng nước này sẽ vượt qua suy thoái toàn cầu, bắt đầu có thể nâng lãi suất vào giữa năm 2015. Cố vấn chính sách cao cấp của Fed Jeffrey Fuhrer cho biết quan ngại hàng đầu hiện nay là Fed có thể đưa lạm phát lên mức 2% để duy trì niềm tin thị trường cũng như khẳng định uy tín của Fed là tổ chức có thể đạt được mục tiêu đã đề ra trước đó. Các số liệu kinh tế mới công bố như tăng trưởng kinh tế gần 4% trong quý 3, tỷ lệ thất nghiệp giảm và lạm phát tăng khoảng 1,6%, được coi là tín hiệu tốt cho thị trường.

## ► Tin doanh nghiệp

Tại sự kiện gặp gỡ NHĐT, ông Đàm Quang Hùng – Phó Tổng giám đốc CTCP Quốc tế Sơn Hà (HNX: Mã SHI) chia sẻ: Đối với thị trường quốc tế, doanh số xuất khẩu các sản phẩm Sơn Hà hơn 20 triệu USD đến 21 quốc gia và vùng lãnh thổ gồm châu Mỹ, Nga, Thổ Nhĩ Kỳ, Ấn Độ, Indonesia... Riêng đối với thị trường Hoa Kỳ, từ tháng 7/2013 Sơn Hà đã ngừng xuất khẩu vào thị trường này do thuế chống phá giá áp đối với mặt hàng thép không gỉ cao, là 16,25%. Tuy nhiên, sản lượng xuất khẩu của Sơn Hà vẫn không bị suy giảm đạt trung bình hơn 700 tấn/tháng. Việc duy trì tỷ lệ sở hữu đảm bảo là cổ đông lớn tại chuỗi siêu thị HiWay nằm trong chiến lược dài hạn của Sơn Hà là tập trung vào 2 ngành kinh doanh chính: sản xuất kinh doanh mặt hàng thép không gỉ và bán lẻ.

Theo Nghị quyết ĐHĐCĐ lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản năm 2014 của Công ty Cổ phần Cao su Phước Hòa (HOSE: Mã PHR), các chỉ tiêu kế hoạch kinh doanh năm 2014 đã được điều chỉnh trở lại. Theo đó, sản lượng thu mua và sản lượng tiêu thụ cao su năm 2014 được điều chỉnh lên 11,500 tấn và 30,000 tấn, tương ứng tăng 15% và 5% so với kế hoạch ban đầu. Tuy nhiên, chỉ tiêu doanh thu lại điều chỉnh giảm còn 1,473 tỷ đồng, giảm gần 3% nguyên nhân có thể là do giá bán điều chỉnh giảm 14%, chỉ còn 38.8 triệu đồng/tấn. Kéo theo đó là lợi nhuận sau thuế năm 2014 của PHR được điều chỉnh xuống còn 164.4 tỷ đồng, giảm hơn 22% so với kế hoạch ban đầu. Tỷ lệ chia cổ tức 2014 bằng tiền cũng sẽ giảm từ 30% xuống còn 20%.

Ngày 1/12/2014, ông Nirukt Sapru, Tổng giám đốc Ngân hàng TNHH MTV Standard Chartered đã có buổi làm việc với Bộ Thông tin và Truyền thông (TT&TT) về vấn đề cổ phần hóa MobiFone. Ông cho biết khoảng 6 nhà đầu tư nước ngoài quan tâm đến cơ hội đầu tư tại MobiFone. Tuy nhiên ông cũng có quan ngại vì khi cổ phần hóa MobiFone thì nhà nước vẫn nắm cổ phần chi phối. Ông cho rằng để thu lợi tốt nhất cho quá trình cổ phần hóa MobiFone, Chính phủ phải có tuyên bố rõ ràng về chính sách và đưa ra trước thời điểm tư nhân hóa doanh nghiệp này.

**HOSE** 02/12/2014 VNINDEX 569.42 1.41 0.25% 101,634,189 CP 1,820.97 bil VND

**Thị trường có dấu hiệu tạo đáy, dòng tiền tiếp tục phân hóa**

VN-Index tăng 1.42 điểm (+0.25%), đóng cửa tại mức 569.43 điểm. VN-Index hình thành cây nến xanh, thân nến ngắn, cây nến gần giống nến Doji thể hiện sự giằng co của chỉ số này, đây là dấu hiệu phân nào cho thấy tín hiệu đáy của nhịp điều chỉnh lần này.

- MACD tiếp tục sụt giảm.
- Stochastic Oscillator chưa cho tín hiệu mua trở lại và vẫn nằm sâu trong vùng quá bán.
- RSI (14) tiếp tục cải thiện và tăng trở lại ở mức 32.



**HOSE Top 5 theo KLGD**

FLC	0 (0.0%)	17,450,890
HAG	-0.2 (-0.8%)	5,166,510
SSI	0.3 (1.0%)	4,416,020
ITA	0 (0.0%)	4,071,880
VHG	-0.1 (-0.7%)	3,880,990

**HOSE Top 5 theo % tăng**

HVX	0.4 (6.9%)	20
TCL	2.1 (6.8%)	164,880
SFG	1.3 (6.8%)	20,060
LGC	2.1 (6.8%)	348,370
CMX	0.6 (6.7%)	283,070

**HOSE Top 5 theo % giảm**

SBC	-2.3 (-6.8%)	169,960
VSI	-0.8 (-6.7%)	100
QBS	-1.3 (-6.5%)	1,603,610
PTC	-0.5 (-6.3%)	1,800
KHA	-1.4 (-5.5%)	21,230

**HOSE Top 5 Mua ròng NDTNN**

DPM	26,4 tỷ	918,270
HPG	17,5 tỷ	359,680
SSI	9,6 tỷ	317,700
VCB	7,3 tỷ	260,180
MSN	6,2 tỷ	75,800

**HOSE Top 5 Bán ròng NDTNN**

PVD	-85,7 tỷ	1,140,960
HAG	-43,2 tỷ	1,770,890
GAS	-36,1 tỷ	420,160
KDC	-17,7 tỷ	338,270
DRC	-6,4 tỷ	111,820

<b>GD NDTNN</b>	<b>KL Ròng</b>	<b>GT Ròng (tỷ)</b>
HOSE	-3,119,590	- 96.48

**Nhận định / Bình luận thị trường**

- ▶ Nhóm cổ phiếu Bluechips tiếp tục chịu ảnh hưởng của lực bán khối ngoại, nhưng lực cầu nội vẫn hấp thụ khá tốt, nhiều cổ phiếu đầu cơ tiếp tục hồi phục.
- ▶ KLGD sụt giảm và đạt 95 triệu cổ phiếu. Việc thanh khoản sụt giảm và VN-Index tăng điểm nhẹ là dấu hiệu khá tích cực, cho thấy TT đang tạo đáy khá rõ.
- ▶ Khối ngoại bán ròng với giá trị 96 tỷ. Lực bán ròng của khối này vẫn chưa dừng lại, tâm điểm là HAG, PVD, KDC.
- ▶ VN-Index có dấu hiệu tạo đáy khá rõ, nhiều khả năng sự phục hồi sẽ tiếp tục diễn ra ở những phiên sắp tới.
- ▶ NĐT nên xem xét mua trở lại khi thanh khoản có sự cải thiện dần. Tập trung vào nhóm cổ phiếu có yếu tố cơ bản tốt và điều chỉnh sâu ở nhịp vừa rồi.

**HOSE - Top 10 theo vốn hóa**

Mã CK	SLCPLH (triệu)	Giá (000')	Vốn hóa (tỷ)	P/E (lần)	P/B (lần)	ROE	ROA
GAS	1,895.0	86.0	162,970.00	14.0	4.6	33.0%	22.6%
VNM	1,000.1	99.5	99,511.80	17.1	5.5	31.8%	24.8%
VCB	2,665.0	28.1	74,887.07	16.4	1.7	10.5%	0.9%
VIC	1,454.6	48.5	70,545.92	18.2	3.8	21.1%	4.6%
MSN	735.8	80.5	59,232.56	- 474.3	4.2	-0.9%	-0.3%
CTG	3,723.4	14.0	52,127.66	9.6	1.0	8.8%	0.8%
BID	2,811.2	13.1	36,826.75	8.2	1.1	13.6%	0.8%
HPG	481.9	54.0	26,023.04	8.2	2.3	30.2%	14.7%
BVH	680.5	38.0	25,857.91	20.5	2.2	10.4%	2.2%
PVD	303.0	75.5	22,879.29	9.4	2.0	22.6%	10.8%

**HOSE - Cổ phiếu khuyến nghị theo dõi / mua / bán / nắm giữ**

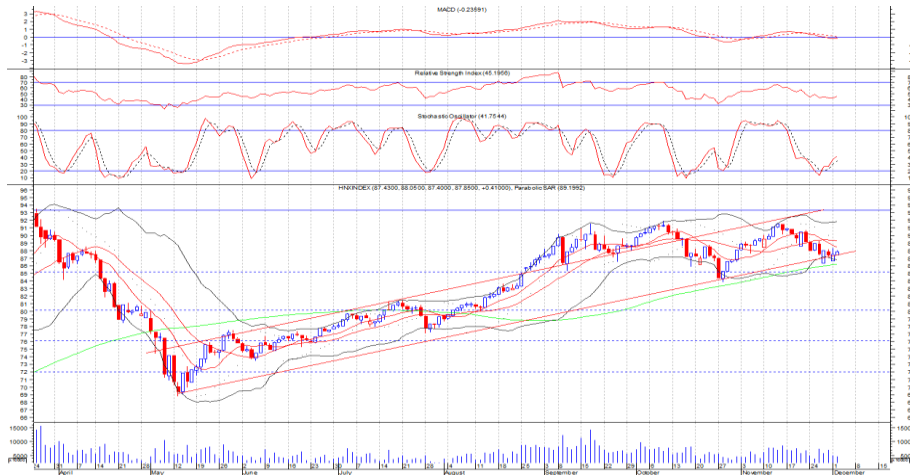
Mã CK	SLCPLH (triệu)	Giá (000')	Vốn hóa (tỷ)	P/E (lần)	P/B (lần)	Giá mục tiêu	Khuyến nghị
TDC	100.0	11.2	1,120.00	6.8	1.0	NA	TH.DOI
SJS	99.0	25.7	2,545.38	35.2	1.6	NA	TH.DOI
CII	115.5	19.3	2,229.67	6.9	1.3	NA	TH.DOI
BMP	45.5	72.0	3,274.45	9.0	2.0	NA	TH.DOI
NHS	60.8	10.7	650.03	5.4	0.7	NA	TH.DOI
FDC	27.6	21.6	596.38	1.9	0.9	NA	TH.DOI

**HNX**      02/12/2014      HNX-Index      87.85      0.41      0.47%      52,781,042 CP      735.71 bil. VND

### Thị trường có dấu hiệu tạo đáy, dòng tiền tiếp tục phân hóa

Chỉ số HNX-Index tăng 0.41 điểm (+0.47%), đóng cửa tại mốc 87.85 điểm. HNX-Index tạo thành cây nến xanh với thân nến vừa phải, HNX-Index tiếp tục phục hồi khá tốt ở phiên hôm nay.

- Chỉ báo Stochastic Oscillator tiếp tục gia tăng tốt ở phiên hôm nay.
- MACD dừng đà giảm và đi ngang.
- RSI (14) tăng trở lại và về mốc 45.
- HNX-Index vẫn chưa phá vỡ kênh giá tăng điểm từ tháng 5 đến nay.



### HNX Top 5 theo KLGD

Mã CK	Đổi (%)	KLGD
KLF	0 (0.0%)	9,735,530
SCR	0.1 (1.0%)	3,395,490
PVS	1.6 (4.9%)	3,172,330
PVX	-0.1 (-1.6%)	2,371,670
FIT	0.6 (2.4%)	1,996,860

### HNX Top 5 theo % tăng

Mã CK	% Tăng	KLGD
ITQ	4 (10.0%)	529,120
SDC	1.4 (9.9%)	340
D11	1.2 (9.9%)	2,600
HHG	0.8 (9.9%)	555,000
PGT	0.7 (9.9%)	303,210

### HNX Top 5 theo % giảm

Mã CK	% Giảm	KLGD
DXP	-4.2 (-10.0%)	100
L62	-0.5 (-10.0%)	300
LM3	-0.3 (-10.0%)	100
PPP	-1.1 (-10.0%)	500
TV3	-2 (-10.0%)	100

### HNX Top 5 Mua ròng NDTNN

Mã CK	Mua ròng (tỷ)	NDTNN
PVS	10,8	320,100
BVS	1,4	95,000
SHS	0,6	48,200
SHB	0,5	58,000
VGS	0,3	42,200

### HNX Top 5 Bán ròng NDTNN

Mã CK	Bán ròng (tỷ)	NDTNN
PVB	-0,5	9,200
HGM	-0,4	9,700
LDP	-0,4	9,000
KLS	-0,3	30,000
LAS	-0,3	7,900

GD NDTNN	KL Ròng	GT Ròng (tỷ)
HNX	530,220	12.77

### Nhận định / Bình luận thị trường

- ▶ Nhóm cổ phiếu Bluechips tiếp tục chịu ảnh hưởng của lực bán khối ngoại, nhưng lực cầu nội vẫn hấp thụ khá tốt, nhiều cổ phiếu đầu cơ tiếp tục hồi phục.
- ▶ KLGD sụt giảm và đạt 47 triệu cổ phiếu. Việc thanh khoản sụt giảm và HNX-Index tăng điểm nhẹ là dấu hiệu khá tích cực, cho thấy TT đang tạo đáy khá rõ.
- ▶ Khối ngoại mua ròng trở lại với giá trị 13 tỷ. Đây là dấu hiệu rất tích cực của khối ngoại, khi lực mua tập trung nhiều ở mã PVS.
- ▶ HNX-Index vẫn đang trong kênh giá tăng duy trì từ tháng 5/2014, tín hiệu lực cầu cho thấy nhiều khả năng HNX-Index có thể sẽ hồi phục ở những phiên sắp tới.
- ▶ NĐT chỉ nên xem xét mua trở lại khi thị trường tăng điểm tốt và thanh khoản gia tăng dần. Tập trung vào nhóm cổ phiếu cơ bản tốt và điều chỉnh sâu ở nhịp vừa rồi.

### HNX - Top 10 theo vốn hóa

Mã CK	SLCPLH (triệu)	Giá (000')	Vốn hóa (tỷ)	P/E (lần)	P/B (lần)	ROE (%)	ROA (%)
PVS	446.7	34.4	15,366.49	8.8	1.7	19.6%	6.6%
ACB	909.8	15.1	13,737.69	25.6	1.1	4.4%	0.3%
SQC	107.3	80.0	8,583.92	69.5	8.5	-10.4%	-8.0%
SHB	886.1	8.6	7,620.32	9.5	0.8	7.7%	0.6%
VCG	441.7	13.9	6,139.78	9.3	1.1	11.8%	2.9%
OCH	200.0	25.1	5,020.00	59.1	2.4	4.1%	2.2%
PVI	225.2	18.0	4,052.85	12.9	0.7	5.1%	1.8%
NTP	56.3	50.0	2,816.96	7.5	2.2	23.4%	14.9%
VNR	131.1	20.9	2,739.49	8.8	1.1	12.8%	5.4%
PLC	70.3	35.8	2,515.29	11.0	2.1	19.7%	7.4%

### HNX - Cổ phiếu khuyến nghị theo dõi / mua / bán / nắm giữ

Mã CK	SLCPLH (triệu)	Giá (000')	Vốn hóa (tỷ)	P/E (lần)	P/B (lần)	Giá mục tiêu	Khuyến nghị
PGS	38.0	33.5	1,273.00	7.8	1.3	NA	TH.DOI
AAA	39.6	17.9	708.84	6.7	1.3	NA	TH.DOI
VND	155.0	13.3	2,061.48	11.0	1.1	NA	TH.DOI
NTP	56.3	50.0	2,816.96	7.5	2.2	NA	TH.DOI
PVC	50.0	31.8	1,590.00	7.8	1.7	NA	TH.DOI
DXP	7.9	37.8	297.67	7.9	1.5	NA	TH.DOI

## FTSE Vietnam (UCITS ETF)

Ma CK	SGD	SLCPLH (triệu)	Vốn hóa (tỷ)	Tỷ trọng	Giá (000')	PE (lần)	PB (lần)	KLGDQB (10 ngày)	KLGDQB (1 tháng)	KLGDQB (3 tháng)
MSN	HOSE	735.8	59,232.56	15.22%	80.5	- 474.32	4.21	124,525	150,442	189,882
VIC	HOSE	1,454.6	70,545.92	12.53%	48.5	18.16	3.84	977,309	1,059,017	1,806,814
PVD	HOSE	303.0	22,879.29	11.71%	75.5	9.36	2.03	952,200	652,179	663,224
HPG	HOSE	481.9	26,023.04	11.57%	54.0	8.23	2.27	512,361	422,894	629,896
HAG	HOSE	789.9	19,036.57	7.45%	24.1	10.20	1.32	2,469,606	3,160,036	3,742,170
KDC	HOSE	255.2	13,140.80	7.00%	51.5	20.97	1.92	1,334,355	1,490,035	976,908
STB	HOSE	1,142.5	21,136.46	5.69%	18.5	8.77	1.21	257,220	239,083	398,577
VCB	HOSE	2,665.0	74,887.07	5.16%	28.1	16.35	1.74	322,379	262,273	390,285
DPM	HOSE	379.9	11,777.96	4.04%	31.0	9.74	1.27	666,614	484,700	710,823
KBC	HOSE	389.8	6,470.02	2.83%	16.6	15.26	1.23	3,676,359	4,753,386	5,046,782
ITA	HOSE	718.9	6,326.37	2.64%	8.8	51.81	0.80	5,950,332	5,986,374	7,027,818
HSG	HOSE	96.3	4,757.87	1.95%	49.4	11.62	2.00	120,286	162,279	318,750
BVH	HOSE	680.5	25,857.91	1.83%	38.0	20.52	2.15	211,633	196,854	260,366
HVG	HOSE	132.0	4,144.79	1.55%	31.4	14.13	1.71	1,119,872	1,349,445	1,886,314
FLC	HOSE	314.9	3,621.28	1.53%	11.5	6.75	0.95	25,890,824	21,154,907	16,879,432
PPC	HOSE	318.2	8,017.50	1.47%	25.2	11.01	1.49	172,779	201,141	484,390
DRC	HOSE	83.1	4,610.60	1.41%	55.5	13.46	3.25	76,591	64,216	143,137
PVT	HOSE	255.9	4,451.92	1.37%	17.4	15.07	1.46	2,295,210	2,182,236	2,279,738
CSM	HOSE	67.3	2,933.93	1.32%	43.6	8.45	2.32	89,591	83,223	195,947
VSH	HOSE	206.2	2,949.25	1.16%	14.3	20.14	1.09	386,966	461,844	526,630
OGC	HOSE	300.0	2,460.00	0.56%	8.2	14.44	0.76	6,071,681	6,067,318	5,542,412

Công ty quản lý  
Chỉ số tham chiếu

**DB Platinum Advisors**  
**FTST Vietnam Index**

Ngày lập quỹ **15/01/2008**  
Ngày lập chỉ số **14/05/2007**

SLCKVN **22/22**  
TGTTSQL **361 mil.**

## Market Vectors Vietnam ETF

Ma CK	SGD	SLCPLH (triệu)	Vốn hóa (tỷ)	Tỷ trọng	Giá (000')	PE (lần)	PB (lần)	KLGDQB (10 ngày)	KLGDQB (1 tháng)	KLGDQB (3 tháng)
MSN	HOSE	735.8	59,232.56	8.46%	80.5	- 474.32	4.21	124,525	150,442	189,882
VIC	HOSE	1,454.6	70,545.92	7.72%	48.5	18.16	3.84	977,309	1,059,017	1,806,814
VCB	HOSE	2,665.0	74,887.07	7.14%	28.1	16.35	1.74	322,379	262,273	390,285
STB	HOSE	1,142.5	21,136.46	6.63%	18.5	8.77	1.21	257,220	239,083	398,577
PVS	HNX	446.7	15,366.49	5.62%	34.4	8.83	1.68	2,297,812	1,800,155	3,225,886
BVH	HOSE	680.5	25,857.91	4.52%	38.0	20.52	2.15	211,633	196,854	260,366
DPM	HOSE	379.9	11,777.96	4.24%	31.0	9.74	1.27	666,614	484,700	710,823
HAG	HOSE	789.9	19,036.57	4.00%	24.1	10.20	1.32	2,469,606	3,160,036	3,742,170
PVD	HOSE	303.0	22,879.29	3.86%	75.5	9.36	2.03	952,200	652,179	663,224
PPC	HOSE	318.2	8,017.50	3.10%	25.2	11.01	1.49	172,779	201,141	484,390
ITA	HOSE	718.9	6,326.37	3.19%	8.8	51.81	0.80	5,950,332	5,986,374	7,027,818
FLC	HOSE	314.9	3,621.28	2.90%	11.5	6.75	0.95	25,890,824	21,154,907	16,879,432
SHB	HNX	886.1	7,620.32	2.59%	8.6	9.53	0.75	2,513,712	2,384,002	4,290,252
VCG	HNX	441.7	6,139.78	2.08%	13.9	9.29	1.09	1,659,558	1,522,057	1,619,208
PVT	HOSE	255.9	4,451.92	1.76%	17.4	15.07	1.46	2,295,210	2,182,236	2,279,738
OGC	HOSE	300.0	2,460.00	1.50%	8.2	14.44	0.76	6,071,681	6,067,318	5,542,412
DRC	HOSE	83.1	4,610.60	1.02%	55.5	13.46	3.25	76,591	64,216	143,137
IJC	HOSE	274.2	3,701.63	0.64%	13.5	22.01	1.29	380,474	505,339	1,008,501
PVX	HNX	400.0	2,480.00	0.00%	6.2	- 2.75	2.73	5,467,150	5,838,571	8,116,072

Công ty quản lý  
Chỉ số tham chiếu

**Van Eck Global**  
**Market Vector Vietnam Index**

Ngày lập quỹ **08/11/2009**  
Ngày lập chỉ số **24/11/2008**

SLCKVN **17/27**  
TGTTSQL **439.5 mil.**

## MSCI Frontier Market Index ETF

Ma CK	SGD	SLCPLH (triệu)	Vốn hóa (tỷ)	Tỷ trọng	Giá (000')	PE (lần)	PB (lần)	KLGDQB (10 ngày)	KLGDQB (1 tháng)	KLGDQB (3 tháng)
VIC	HOSE	1,454.6	70,545.92	0.00%	48.5	18.16	3.84	977,309	1,059,017	1,806,814
MSN	HOSE	735.8	59,232.56	0.00%	80.5	- 474.32	4.21	124,525	150,442	189,882
DPM	HOSE	379.9	11,777.96	0.00%	31.0	9.74	1.27	666,614	484,700	710,823
HAG	HOSE	789.9	19,036.57	0.00%	24.1	10.20	1.32	2,469,606	3,160,036	3,742,170
VCB	HOSE	2,665.0	74,887.07	0.00%	28.1	16.35	1.74	322,379	262,273	390,285
STB	HOSE	1,142.5	21,136.46	0.00%	18.5	8.77	1.21	257,220	239,083	398,577
BVH	HOSE	680.5	25,857.91	0.00%	38.0	20.52	2.15	211,633	196,854	260,366
CTG	HOSE	3,723.4	52,127.66	0.00%	14.0	9.60	0.95	142,510	140,654	289,526
GAS	HOSE	1,895.0	162,970.00	0.00%	86.0	13.97	4.55	564,744	423,525	426,182

Công ty quản lý: **Royal Bank of Scotland** Ngày lập quỹ: **19/09/2011** SLCKVN: **9/142**  
 Chỉ số tham chiếu: **MSCI Frontier Markets Index** Ngày lập chỉ số: **30/11/2007** TGTSQL: **22.25 mil.**

## iShares MSCI Frontier 100 Index Fund

Ma CK	SGD	SLCPLH (triệu)	Vốn hóa (tỷ)	Tỷ trọng	Giá (000')	PE (lần)	PB (lần)	KLGDQB (10 ngày)	KLGDQB (1 tháng)	KLGDQB (3 tháng)
MSN	HOSE	735.8	59,232.56	4.01%	80.5	- 474.32	4.21	124,525	150,442	189,882
VIC	HOSE	1,454.6	70,545.92	2.27%	48.5	18.16	3.84	977,309	1,059,017	1,806,814
PVD	HOSE	303.0	22,879.29	4.39%	75.5	9.36	2.03	952,200	652,179	663,224
STB	HOSE	1,142.5	21,136.46	0.89%	18.5	8.77	1.21	257,220	239,083	398,577
VCB	HOSE	2,665.0	74,887.07	1.28%	28.1	16.35	1.74	322,379	262,273	390,285
BVH	HOSE	680.5	25,857.91	1.79%	38.0	20.52	2.15	211,633	196,854	260,366

Công ty quản lý: **iShares** Ngày lập quỹ: **12/09/2012** SLCKVN: **6/102**  
 Chỉ số tham chiếu: **MSCI Frontier 100 Index** Ngày lập chỉ số: **30/11/2007** TGTSQL: **519.45 mil.**

## iShares MSCI Vietnam Investable Market Index Fund ETF

Ma CK	SGD	SLCPLH (triệu)	Vốn hóa (tỷ)	Tỷ trọng	Giá (000')	PE (lần)	PB (lần)	KLGDQB (10 ngày)	KLGDQB (1 tháng)	KLGDQB (3 tháng)
-------	-----	-------------------	-----------------	----------	---------------	-------------	-------------	---------------------	---------------------	---------------------

Công ty quản lý: **iShares** Ngày lập quỹ: SLCKVN  
 Chỉ số tham chiếu: **MSCI VN Investable Market Indx** Ngày lập chỉ số: **01/12/2010** TGTSQL: **4,752.96 mil.**

02 December 2014

Chỉ số bình quân ngành	Vốn hóa (tỷ)	P/E	P/B	ROE	ROA
<b>Hóa chất &amp; Tài nguyên cơ bản</b>					
Hóa Chất					
Nhựa, cao su & sợi	7,130	6.9	0.9	12.6%	8.3%
Sản phẩm hóa dầu, Nông dược & Hóa chất khác	22,117	9.5	1.6	17.0%	10.5%
Lâm nghiệp và giấy					
Lâm sản và Chế biến gỗ	2,982	15.8	1.0	5.6%	2.2%
Sản xuất giấy	894	6.6	1.0	14.1%	7.7%
Kim loại					
Thép và sản phẩm thép	38,110	13.0	2.0	22.2%	10.7%
Khai khoáng					
Khai thác than	1,979	3.6	1.0	22.1%	5.3%
Khai khoáng	12,567	90.2	6.2	-4.0%	-3.4%
<b>Xây dựng và vật liệu</b>					
Xây dựng và vật liệu					
Vật liệu xây dựng & Nội thất	25,378	13.9	1.5	13.9%	7.7%
Xây dựng	33,280	32.5	1.2	-0.5%	2.2%
<b>Hàng và dịch vụ công nghiệp</b>					
Hàng công nghiệp					
Containers & Đóng gói	2,205	9.6	1.1	15.7%	7.8%
Công nghiệp phức hợp	1,165	7.7	1.2	16.8%	12.4%
Điện tử và thiết bị điện					
Hàng điện & điện tử	1,492	8.1	1.0	12.0%	5.6%
Thiết bị điện	2,213	34.3	1.3	2.3%	0.2%
Công nghiệp nặng					
Xe tải & Đóng tàu	59	19.4	0.8	4.1%	2.9%
Máy công nghiệp	8,482	8.7	1.3	15.2%	10.3%
Vận tải					
Vận tải thủy	9,847	3.5	1.1	5.2%	1.7%
Kho bãi, hậu cần và bảo dưỡng	10,959	8.7	1.5	18.4%	13.5%
Dịch vụ vận tải	7,056	7.7	1.6	23.3%	13.2%
Tư vấn & hỗ trợ kinh doanh					
Tư vấn & Hỗ trợ KD	4,841	11.6	1.9	15.7%	10.4%
Đào tạo & Việc làm	262	13.6	0.8	6.6%	2.4%
Nhà cung cấp thiết bị	201	9.2	0.9	12.2%	4.9%
Chất thải & Môi trường	209	3.2	1.0	34.0%	15.7%
<b>Ô tô và Phụ tùng</b>					
Ô tô và Phụ tùng					
Sản xuất ô tô	2,364	14.1	1.4	14.5%	7.2%
Lốp xe	8,412	10.8	2.8	25.5%	11.1%
<b>Thực phẩm và đồ uống</b>					
Bia và đồ uống					
Sản xuất bia	1,690	7.5	1.3	17.8%	9.5%
Vang & Rượu mạnh	329	16.6	2.2	14.9%	10.0%
Đồ uống & giải khát	215	6.0	1.1	14.7%	9.8%
Sản phẩm thực phẩm					
Nuôi trồng nông & hải sản	23,411	10.9	2.0	21.7%	7.4%
Thực phẩm	188,213	24.0	4.6	18.7%	14.5%
<b>Hàng cá nhân và gia dụng</b>					
Hàng gia dụng					
Đồ gia dụng lâu bền	71	20.0	0.9	4.4%	3.2%
Thiết bị gia dụng	3,122	8.6	1.5	19.8%	9.3%
Hàng hóa giải trí					
Điện tử tiêu dùng	567	68.4	1.5	2.4%	1.7%
Hàng cá nhân					
Hàng may mặc	3,680	8.7	1.7	19.6%	7.6%
Giày dép	12	1.7	0.7	-33.3%	-19.0%
Hàng cá nhân	6,364	10.7	2.0	18.4%	9.4%
Thuốc lá					
Thuốc lá	688	9.9	1.1	1.1%	4.6%

02 December 2014

Chỉ số bình quân ngành	Vốn hóa (tỷ)	P/E	P/B	ROE	ROA
<b>Y tế</b>					
Thiết bị và dịch vụ y tế					
Thiết bị y tế	2,025	9.6	1.1	12.8%	7.2%
Dụng cụ y tế	168	3.5	1.8	36.6%	16.5%
Dược phẩm					
Công nghệ sinh học	251	10.7	1.5	13.8%	10.1%
Dược phẩm	15,708	12.5	2.8	22.3%	14.8%
<b>Bán lẻ</b>					
Phân phối thực phẩm và dược					
Phân phối thực phẩm	277	44.0	0.9	-2.0%	-0.6%
Bán lẻ					
Bán lẻ phức hợp	759	10.6	1.3	13.8%	8.2%
Phân phối hàng chuyên dụng	3,037	10.5	1.8	18.5%	3.6%
<b>Truyền thông, Du lịch và Giải trí</b>					
Truyền thông					
Dịch vụ truyền thông	10	2.7	0.5	18.3%	11.3%
Sách, ấn bản & sản phẩm văn hóa	1,145	9.4	1.0	10.6%	6.8%
Du lịch và giải trí					
Hàng không	-	#DIV/0!	#DIV/0!	#DIV/0!	#DIV/0!
Khách sạn	5,658	55.5	2.4	3.9%	2.3%
Dịch vụ giải trí	3,942	20.3	1.4	9.9%	8.1%
Vận tải hành khách & Du lịch	2,720	18.3	3.5	23.5%	20.2%
<b>Viễn Thông &amp; Công nghệ thông tin</b>					
Viễn thông cố định					
Viễn thông cố định	68	15.9	0.5	3.1%	1.6%
Phần mềm và dịch vụ máy tính					
Dịch vụ máy tính	754	11.2	0.9	8.9%	3.3%
Internet	392	82.7	1.0	1.1%	0.2%
Phần mềm	16,752	10.0	2.1	21.7%	8.9%
Thiết bị và phần cứng					
Phần cứng	472	16.1	0.8	4.6%	1.8%
Thiết bị văn phòng	295	5.6	1.1	19.5%	14.9%
Thiết bị viễn thông	11,644	31.0	5.6	32.6%	11.0%
<b>Điện nước, xăng dầu và khí đốt</b>					
Sản xuất & phân phối điện					
Sản xuất & phân phối điện	28,698	9.9	1.5	15.6%	7.3%
Nước & khí đốt					
Phân phối xăng dầu & khí đốt	167,598	13.7	4.4	32.4%	21.9%
Nước	1,248	6.7	1.1	17.0%	11.6%
<b>Bảo hiểm, Dịch vụ tài chính, Ngân hàng, Bất động sản</b>					
Bảo hiểm phi nhân thọ					
Bảo hiểm phức hợp	1,493	8.9	1.0	11.2%	3.3%
Bảo hiểm phi nhân thọ	6,839	11.6	0.7	6.6%	2.5%
Tái bảo hiểm	2,818	8.8	1.1	12.8%	5.4%
Bảo hiểm nhân thọ					
Bảo hiểm nhân thọ	25,790	20.5	2.2	10.4%	2.2%
Dịch vụ tài chính					
Tài chính đặc biệt	2,739	15.7	1.0	5.3%	1.6%
Môi giới chứng khoán	28,460	12.1	1.6	11.2%	7.6%
Ngân hàng					
Ngân hàng	237,577	11.2	1.2	10.3%	0.9%
Bất động sản					
Bất động sản	168,616	16.5	2.7	18.2%	4.7%
Tư Vấn, Định giá, Môi giới Bất động sản	9	2.3	0.7	32.7%	12.3%
<b>Dầu khí</b>					
Thiết bị, dịch vụ và phân phối					
Thiết bị và Dịch vụ Dầu khí	40,081	9.1	1.9	21.9%	9.2%



- ▶ **Nguyễn Hữu Quang**      **Giám đốc Nghiên cứu & Tư vấn Đầu tư**  
quangnh@vietinbanksc.com.vn
- ▶ **Trịnh Thị Thu Phương**      thuphuong@vietinbanksc.com.vn  
- Tổng hợp thông tin vĩ mô
- ▶ **Nguyễn Thu Hằng**      hangnnt@vietinbanksc.com.vn  
- Ngân hàng  
- Dược phẩm  
- Phân bón  
- Nước giải khát
- ▶ **Nguyễn Quang Sắc**      sacnq@vietinbanksc.com.vn  
- Phân tích kỹ thuật  
- Nhận định, bình luận thị trường
- ▶ **Vũ Ánh Nguyệt**      nguyetva@vietinbanksc.com.vn  
- Cao su  
- Thủy sản  
- Dệt may  
- Mía đường

Bản báo cáo này được chuẩn bị cho mục đích duy nhất là cung cấp thông tin và không nhằm đưa ra bất kỳ đề nghị hay hướng dẫn mua bán chứng khoán cụ thể nào. Các quan điểm và khuyến cáo được trình bày trong bản báo cáo này không tính đến sự khác biệt về mục tiêu, nhu cầu, chiến lược và hoàn cảnh cụ thể của từng nhà đầu tư. Ngoài ra, nhà đầu tư cũng ý thức có thể có các xung đột lợi ích ảnh hưởng đến tính khách quan của bản báo cáo này. Nhà đầu tư nên xem báo cáo này như một nguồn tham khảo khi đưa ra quyết định đầu tư và phải chịu toàn bộ trách nhiệm đối với quyết định đầu tư của chính mình. VietinBankSc tuyệt đối không chịu trách nhiệm đối với toàn bộ hay bất kỳ thiệt hại nào, hay sự kiện bị coi là thiệt hại, đối với việc sử dụng toàn bộ hoặc từng phần thông tin hay ý kiến nào của bản báo cáo này.

Toàn bộ các quan điểm thể hiện trong báo cáo này đều là quan điểm cá nhân của người phân tích. Không có bất kỳ một phần thu nhập nào của người phân tích liên quan trực tiếp hoặc gián tiếp đến các khuyến cáo hay quan điểm cụ thể trong bản báo cáo này.

Thông tin sử dụng trong báo cáo này được VietinBankSc thu thập từ những nguồn mà chúng tôi cho là đáng tin cậy. Tuy nhiên, chúng tôi không đảm bảo rằng những thông tin này là hoàn chỉnh hoặc chính xác. Các quan điểm và ước tính trong đánh giá của chúng tôi có giá trị đến ngày ra báo cáo và có thể thay đổi mà không cần báo cáo trước.

Bản báo cáo này được giữ bản quyền và là tài sản của VietinBankSc. Mọi sự sao chép, chuyển giao hoặc sửa đổi trong bất kỳ trường hợp nào mà không có sự đồng ý của VietinBankSc đều trái luật.

Bản quyền thuộc VietinBankSc, 2013. Vui lòng trích nguồn khi sử dụng các thông tin trong bản báo cáo này.